

PHỤ LỤC IV
BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Kèm theo Quyết định số 75 /2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
(1)	(2)	(3)
I	THÀNH PHỐ KON TUM	
1	Toàn bộ các xã, phường	15
II	HUYỆN ĐẮK HÀ	
1	Tại thị trấn	10
2	Tại các xã	9
III	HUYỆN ĐẮK TÔ	
1	Tại thị trấn Đăk Tô, xã Diên Bình, Tân Cảnh	9
2	Tại xã Kon Đào, xã Pô Kô	7
3	Tại xã Ngọc Tụ, Đăk Trăm	5
4	Tại xã Văn Lem, Đăk Rơ Nga	4
IV	HUYỆN NGỌC HỒI	
1	Tại thị trấn	9
2	Tại các xã	8
V	HUYỆN ĐẮK GLEI	
1	Tại thị trấn	6
2	Tại các xã	5
VI	HUYỆN SA THẦY	
1	Tại thị trấn	7
2	Tại các xã	6
VII	HUYỆN KON RẪY	
1	Tại thị trấn Đăk Rve, xã Tân Lập, xã Đăk Ruông, xã Đăk Tờ Re	7
2	Các xã còn lại	7
VIII	HUYỆN KON PLÔNG	
1	Tại thị trấn Măng Đen và các xã Hiếu, Măng Cành, Pờ Ê	7
2	Các xã còn lại	5
IX	HUYỆN TU MƠ RÔNG	
1	Tại các xã Đăk Hà, Đăk Tờ Kan, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao, Đăk Na	6
2	Các xã còn lại	5
X	HUYỆN IA H'DRAI	
1	Toàn bộ các xã	7